TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2019.
"V/v:Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phúc Định.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Vui và bà Nguyễn Thị Thương
- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Tổ 3, khu Tân Lập, phường Ph Đ, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Tổ 3, khu Tân Lập, phường Ph Đ, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Bùi Văn H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Nguyễn Thị V tự nguyện kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã L X, huyện Th Ng, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ 3, khu Tân Lập, phường Ph Đ, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh.

Trong quá trình chung sống, cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn vì nhiều nguyên nhân khác nhau, cuộc sống luôn xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, cả hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, sống với nhau không còn hành phúc, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân được hơn 1 năm, trong thời gian sống ly thân hai bên không tìm được biện pháp gì khắc phục, nối lại tình cảm vợ chồng. Đến nay, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh H xin được ly hôn với chị V.

- *Về con chung:* Anh H trình bày, vợ chồng có 01 con chung là Bùi Hải Đ, sinh ngày 21/11/2013, anh H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và khoản nợ chung:* Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân thành phố Uông Bí đã triệu tập, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật cho chị V nhiều lần nhưng chị V không đến Toà án để giải quyết vụ án, vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày thể hiện quan điểm của mình. Do vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản xác minh ngày 07/6/2019 lập tại khu Tân Lập, phường Ph Đ, thành phố U B, bà Đỗ Thị Tuyết Th - khu trưởng, cho biết: anh Bùi Văn H và chị Nguyễn Thị V có hộ khẩu thường trú tại phường. Sau khi kết hôn anh H chị V chung sống tại tổ 3, khu Tân Lập, phường Ph Đ, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình chung sống, anh chị có một thời gian ngắn hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị V nợ nần nhiều, không chăm lo gia đình, giữa anh H và chị V không tìm được tiếng nói chung. Hiện anh H và chị V sống ly thân, chị V thường xuyên vắng mặt ở nhà và địa phương để trốn tránh nợ nần.

Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng anh H và chị V không thông báo chính quyền địa phương tổ chức hòa giải, nhưng tại địa phương đã nắm được mâu thuẫn của anh chị, mong anh chị khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh H và chị V có 01 con chung đang ở cùng anh H. Anh H nhất quyết xin ly hôn với chị V, đề nghị Tòa án giải theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại gia đình, bà Bùi Thị Th là mẹ đẻ chị V cho biết chị V và anh H sau khi kết hôn về sống chung cùng với gia đình được một thời gian thì ra thuê nhà ở riêng, từ đó bà Th không còn quan tâm gì tới cuộc sống của chị V và anh H. Nay anh H có đơn xin ly hôn với chị V, gia đình không có ý kiến gì, việc tình cảm của anh chị tự quyết định, bà không can thiệp, cũng không có đề xuất gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng qui định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

Về con chung hiện đang ở với anh H, chị V thường xuyên vắng nhà. Anh H có yêu cầu được trực tiếp con chung, không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đề nghị của anh H là phù hợp với điều kiện thực tế nên chấp nhận.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa anh Bùi Văn H và chị Nguyễn Thị V đều có hộ khẩu thường trú tại thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh, vì vậy nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí là có cơ sở để xem xét, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị V vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Văn H và chị Nguyễn Thị V kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã L X, huyện Th Ng, thành phố Hải Phòng. Trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị V, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Bùi Văn H và chị Nguyễn Thị V theo anh H trình bày, cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn vì nhiều nguyên nhân khác nhau, cuộc sống luôn xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, cả hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, sống với nhau không còn hành phúc, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân được hơn 1 năm, trong thời gian sống ly thân hai bên không tìm được biện pháp gì khắc phục, nối lại tình cảm vợ chồng.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho biết mâu thuẫn vợ chồng anh H và chị V không thông báo chính quyền địa phương tổ chức hòa giải, nhưng tại địa phương đã nắm được mâu thuẫn của anh chị là do chị V nợ nần nhiều, không chăm lo gia đình, giữa anh H và chị V không tìm được tiếng nói chung. Hiện anh H và chị V sống ly thân, chị V thường xuyên vắng mặt ở nhà và địa phương để trốn tránh nợ nần, mong anh chị khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua xác minh tại gia đình, bà Bùi Thị Th là mẹ đẻ chị V cho biết chị V và anh H sau khi kết hôn về sống chung cùng với gia đình được một thời gian thì ra thuê nhà ở riêng, từ đó bà Th không còn quan tâm gì tới cuộc sống của chị V và anh H. Nay anh H có đơn xin ly hôn với chị V, gia đình không có ý kiến gì, việc tình cảm của anh chị tự quyết định, bà không can thiệp, cũng không có đề xuất gì.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị V thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Văn H đối với chị Nguyễn Thị V để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng anh H và chị V có 01 con chung là Bùi Hải Đ, sinh ngày 21/11/2013, anh H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Chị V vắng mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con chung khi ly hôn và thường xuyên vắng mặt ở nhà, không có thời gian chăm sóc con. Do vậy cần giao con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nếu chị V có yêu cầu nuôi con chung thì chị V có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Anh Bùi Văn H có quan điểm không yêu cầu chị Nguyễn Thị V phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy quan điểm của anh H là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết, khi nào anh H và chị V có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[2.3] Về tài sản và khoản nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Bùi Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện xin ly hôn, của anh Bùi Văn H đối với chị Nguyễn Thị V.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Hải Đ, sinh ngày 21/11/2013, cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Chị Nguyễn Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, bên nào lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên đó.

Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn H phải nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000803 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn H có mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị V vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các Đương sự;
- VKSND TP. Uông Bí;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- UBND xã L X, huyện Th Ng thành phố Hải Phòng;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Phúc Định